TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2022.
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài
Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966
- Bị đơn: Bà Thân Thị Thu H, sinh năm 1967
Cùng trú tại: Số abc, ấp A B, xã Tr H, huyện Trg B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ông và bà Thân Thị Thu H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr H, huyện Th Nh (nay là huyện Tr B), tỉnh Đồng Nai vào năm 2000.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không còn tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 22/8/2003. Khi nộp đơn khởi kiện ly hôn ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiều A, hiện nay cháu Kiều A đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn - bà Thân Thị Thu H: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn L và bà Thân Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa ông, bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ cH không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Thân Thị Thu H; Về con chung: Các con hiện nay đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Ông L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – bà Thân Thị Thu H vắng mặt 02 lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Thân Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 08/11/2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, vụ án được thụ lý ngày 29/4/2021 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày: Quá trình chung sống, ông và bà H có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài và những mâu

thuẫn này ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L và bà H bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, không còn tin tưởng nhau. Ông L yêu cầu được ly hôn với bà H. Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Minh Đ (là con ruột của ông L, bà H , BL 30) đã thể hiện, mâu thuẫn giữa ông L và bà H là có thật và những mâu thuẫn này đã trầm trọng.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H đến Tòa án để làm việc hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhiều lần nhưng bà H vắng mặt không có lý do là thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với ông L, thiếu thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho ông L được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 22/8/2003. Các con chung hiện đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L .

1. Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Thân Thị Thu H.

2. Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007509 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông L đã nộp đủ án phí.

Báo cho ông L và bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tr H;
(GCNKH số 58; quyển số I/2000 ngày 04/9/2000)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung